

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ*(Ban hành kèm theo quyết định số 165/QĐ-THPTXT ngày 4/9/2021)*

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
1	Đinh Xuân Hồng	BCHCĐ		Văn (11A2, 11A3, 11A4, 11A12, 10A12)	20
2	Nguyễn Thị Huệ			Văn (12A4, 12A9, 10A1, 10A6, 10A8, 10A10)	19
3	Nguyễn Thị Duyên	Tổ trưởng		Văn (10A3, 10A4, 10A5, 10A7, 10A9, 10A11)	21
4	Trịnh Thị Hồng Duyên			Văn (12A2, 12A7, 12A11, 11A6, 11A9)	18
5	Phạm Thị Thanh Bình			Văn (11A1, 11A5, 11A8, 11A10, 10A2)	19
6	Đặng Thị Kiều Vân		12A8	Văn (12A3, 12A6, 12A8, 12A10) + ChCờ (12A8) + SHL (12A8)	18
7	Ngô Thị Yến			Văn (12A1, 12A5, 12A12, 11A7, 11A11)	18
8	Nguyễn Tuấn Anh	Tổ trưởng	12A6	Toán (12A5, 12A6) + Tin (12A6) + ChCờ (12A6) + SHL (12A6)	18
9	Nguyễn Thị Bích Len	Tổ phó, PCTCĐ	11A9	Toán (11A2, 11A9) + ChCờ (11A9) + SHL (11A9)	18
10	Đinh Thị Thu	BCHCĐ	12A11	Toán (12A2, 12A11) + Tin (12A2, 12A11) + ChCờ (12A11) + SHL (12A11)	17
11	Nguyễn Thị Hà Khánh		10A3	Toán (10A3, 10A9, 10A10) + ChCờ (10A3) + SHL (10A3)	19
12	Đinh Thị Nhung		10A4	Toán (10A4, 10A12) + Tin (10A4, 10A12) + ChCờ (10A4) + SHL (10A4)	17
13	Nguyễn Thị Hằng		10A8	Toán (10A5, 10A8) + Tin (10A5, 10A8) + ChCờ (10A8) + SHL (10A8)	17
14	Đỗ Thanh Huyền		11A6	Toán (11A6, 11A12, 10A7) + ChCờ (11A6) + SHL (11A6)	19
15	Nguyễn Ngọc Diệp		11A1	Toán (11A1, 11A4, 10A11) + ChCờ (11A1) + SHL (11A1)	19
16	Nguyễn Thị Thu Lan		11A10	Toán (11A8, 11A10) + Tin (11A8, 11A10) + ChCờ (11A10) + SHL (11A10)	16
17	Phạm Cao Thế	Thư ký	10A1	Toán (10A1, 10A6) + Tin (10A6) + ChCờ (10A1) + SHL (10A1)	18
18	Nguyễn Khánh Ly		11A3	Toán (11A3, 11A11) + Tin (11A3, 11A11) + ChCờ (11A3) + SHL (11A3)	16
19	Đinh Công Huân		12A1	Toán (12A1, 12A4) + Tin (12A1, 12A4) + ChCờ (12A1) + SHL (12A1)	16
20	Nguyễn Thị Lan Hương		12A3	Toán (12A3, 12A10) + Tin (12A3, 12A10) + ChCờ (12A3) + SHL (12A3)	16
21	Phạm Thị Ngọc		11A7	Toán (11A5, 11A7) + Tin (11A5, 11A7) + ChCờ (11A7) + SHL (11A7)	16
22	Nguyễn Thị Huyền		12A9	Toán (12A8, 12A9) + Tin (12A8, 12A9) + ChCờ (12A9) + SHL (12A9)	16
23	Vũ Thị Quỳnh Diệp		12A7	Toán (12A7, 12A12) + Tin (12A7, 12A12) + ChCờ (12A7) + SHL (12A7)	16
24	Nguyễn Văn Khoa	PHT		Toán (10A2)	18
25	Phạm Văn Châu	HT		TC Toán (10A5, 10A12)	17
26	Nguyễn Tiến Phương	Phó HT		GDCD (12A1, 12A2, 12A3, 12A4)	17
27	Vũ Thị Nội	TVHĐ	12A12	GDCD (12A5, 12A7, 12A9, 12A12, 11A1, 11A2, 11A3, 11A4, 11A5, 11A6, 11A7, 11A8, 11A9, 11A10, 11A11, 11A12) + ChCờ (12A12) + SHL (12A12)	20
28	Đặng Thị Mừng		12A10	GDCD (12A6, 12A8, 12A10, 12A11, 10A1, 10A2, 10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8, 10A9, 10A10, 10A11, 10A12) + ChCờ (12A10) + SHL (12A10)	20
29	Đặng Văn Hưng			Lí (12A9, 12A10, 12A11, 11A5, 11A7, 11A10, 11A11) + CNghệ (11A5)	17
30	Nguyễn Đức Trọng	Tổ trưởng, PCTCĐ		Lí (12A12, 10A1, 10A3, 10A8)	17

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Ban hành kèm theo quyết định số 165/QĐ-THPTXT ngày 4/9/2021)

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
31	Trịnh Thị Minh Thu		10A6	Lí (12A2, 12A7, 10A4, 10A6) + CNghệ (12A7) + ChCờ (10A6) + SHL (10A6)	17
32	Trịnh Văn Lịch		11A8	Lí (12A4, 12A5, 11A1, 11A6, 11A8) + ChCờ (11A8) + SHL (11A8)	18
33	Trần Văn Thiên		11A2	Lí (12A1, 12A6, 11A2, 11A12) + CNghệ (12A1, 12A6) + ChCờ (11A2) + SHL (11A2)	17
34	Dương Thị Nga		10A5	Lí (11A3, 11A4, 11A9, 10A5) + ChCờ (10A5) + SHL (10A5)	15
35	Đỗ Thế Hòa		10A9	Lí (10A9, 10A10, 10A11, 10A12) + ChCờ (10A9) + SHL (10A9)	16
36	Trần Thị Dung		10A7	Lí (12A3, 12A8, 10A2, 10A7) + CNghệ (12A3, 12A8) + ChCờ (10A7) + SHL (10A7)	17
37	Vũ Văn Dương	Tổ trưởng	12A5	Hóa (12A1, 12A5, 12A6, 12A12) + ChCờ (12A5) + SHL (12A5)	17
38	Nguyễn Văn Thuận		11A11	Hóa (11A7, 11A11, 10A1, 10A6) + ChCờ (11A11) + SHL (11A11)	15
39	Trịnh Thị Lụa		12A2	Hóa (12A2, 12A7, 12A9, 11A1) + ChCờ (12A2) + SHL (12A2)	14
40	Nguyễn Thị Diệu Thúy		12A4	Hóa (12A3, 12A4, 12A10, 12A11) + ChCờ (12A4) + SHL (12A4)	14
41	Nguyễn Thị Hiền		10A11	Hóa (11A10, 10A4, 10A7, 10A11) + ChCờ (10A11) + SHL (10A11)	16
42	Đặng Thị Hằng	BCHCĐ	11A5	Hóa (11A2, 11A5, 11A8, 10A9) + ChCờ (11A5) + SHL (11A5)	17
43	Vũ Thị Hồng Liên		10A12	Hóa (12A8, 10A2, 10A8, 10A12) + ChCờ (10A12) + SHL (10A12)	15
44	Đỗ Thị Huế		10A10	Hóa (11A3, 11A4, 11A9, 10A10) + ChCờ (10A10) + SHL (10A10)	16
45	Vũ Thị Thanh Thủy		11A12	Hóa (11A6, 11A12, 10A3, 10A5) + ChCờ (11A12) + SHL (11A12)	15
46	Đình Thị Sen	Tổ trưởng, TTND		Sinh (11A3, 11A4, 11A5, 10A1, 10A3, 10A5, 10A7, 10A12)	16
47	Đỗ Quốc Thiệu	CTCĐ		Sinh (12A3, 12A5, 12A7, 12A9, 12A11, 11A1, 11A8, 11A12)	19
48	Phan Thị Huyền			Sinh (12A1, 12A2, 12A6, 12A8, 12A10, 12A12, 11A7, 11A9, 11A11)	18
49	Tống Thị Khuyên	Bí thư ĐT		Sinh (12A4)	17
50	Đoàn Thị Diệu Mơ		10A2	Sinh (11A2, 11A6, 11A10, 10A2, 10A4, 10A6, 10A8, 10A9, 10A10, 10A11) + ChCờ (10A2) + SHL (10A2)	17
51	Phạm Minh Nguyệt	Tổ trưởng		Sử (12A2, 12A4, 12A6, 12A10, 12A11, 12A12, 10A1, 10A3)	17
52	Ngô Thị Loan			Sử (12A1, 12A3, 12A5, 12A7, 12A8, 12A9, 11A1, 11A2, 11A8, 11A9, 11A12)	17
53	Lưu Thúy Vân			Sử (11A3, 11A4, 11A5, 11A6, 11A7, 11A10, 11A11, 10A2, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8, 10A9, 10A10, 10A11, 10A12)	17
54	Đỗ Mạnh Hùng	Thủ quỹ, BCHCĐ		Địa (11A1, 11A2, 11A3, 11A4, 11A5, 11A6, 11A7, 11A8, 11A9, 11A10, 11A11, 11A12, 10A1)	20
55	Nguyễn Thị Phương Thảo			Địa (12A4, 12A5, 12A6, 12A7, 12A8, 12A9, 12A12, 10A8, 10A9, 10A10, 10A11, 10A12)	17
56	Đình Thị Nhung			Địa (12A1, 12A2, 12A3, 12A10, 12A11, 10A2, 10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7)	17
57	Phạm Như Quỳnh	2 lớp nghề		CNghệ (12A10, 12A11, 12A12, 11A4, 11A6, 11A7, 11A8, 11A9, 11A10)	15
58	Vũ Thị Hồng Thắm	1 lớp nghề		CNghệ (12A2, 12A4, 12A5, 12A9, 11A1, 11A2, 11A3, 11A11, 11A12)	12
59	Cao Thị Nụ			CNghệ (10A1, 10A2, 10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8, 10A9, 10A10, 10A11, 10A12)	12
60	Nguyễn Thị Bình	QPAN		TD (12A1, 12A3, 12A5, 12A6, 12A8, 12A9, 12A10, 12A12)	16

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ*(Ban hành kèm theo quyết định số 165/QĐ-THPTXT ngày 4/9/2021)*

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
61	Nguyễn Xuân Bắc	Tổ trưởng, BCHCD, QPAN		TD (12A2, 12A4, 12A7, 12A11, 10A4, 10A7)	15
62	Bùi Duy Trinh	QPAN		TD (10A1, 10A3, 10A5, 10A6, 10A8, 10A9, 10A10, 10A12)	16
63	Nguyễn Ngọc Anh	QPAN		QPAN (12A2, 12A4, 12A6, 12A8, 12A10, 12A11, 10A1, 10A2, 10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8, 10A9, 10A10, 10A11, 10A12)	18
64	Đặng Thị Hồng	Phó BTĐT, QPAN		TD (11A1, 11A3, 11A5, 11A9, 11A10, 11A12)	20
65	Lê Thị Chinh	QPAN		QPAN (12A1, 12A3, 12A5, 12A7, 12A9, 12A12, 11A1, 11A2, 11A3, 11A4, 11A5, 11A6, 11A7, 11A8, 11A9, 11A10, 11A11, 11A12)	18
66	Đặng Ngọc Thắng	QPAN		TD (11A2, 11A4, 11A6, 11A7, 11A8, 11A11, 10A2, 10A11)	16
67	Đỗ Hồng Tuyền	PHT, Phó BTCB		T.Anh (12A6)	17
68	Trịnh Thị Thương Huyền	Tổ trưởng, BCHCD		T.Anh (12A4, 12A5, 12A11, 10A10)	17
69	Lê Thị Hoan			T.Anh (12A1, 12A7, 12A10, 10A5, 10A9)	17
70	Trần Thị Thùy Anh			T.Anh (11A2, 11A5, 11A8, 11A11, 10A1)	15
71	Lê Thị Hải Yến			T.Anh (12A2, 12A8, 11A3, 11A9, 11A10, 11A12)	19
72	Nguyễn Thị Sinh			T.Anh (12A3, 12A9, 12A12, 11A1, 11A6)	18
73	Vũ Thị Thanh Huyền			T.Anh (11A4, 11A7, 10A4, 10A7, 10A11)	16
74	Phạm Ngọc Quỳnh			T.Anh (10A2, 10A3, 10A6, 10A8, 10A12)	15
75	Nguyễn Thành Công	3 lớp nghề		Tin (11A1, 11A6, 11A9, 10A1, 10A3)	16
76	Nguyễn Thị Thanh Thúy	3 lớp nghề		Tin (12A5, 10A2, 10A9, 10A10, 10A11)	18
77	Đặng Phương Thảo	3 lớp nghề	11A4	Tin (11A2, 11A4, 11A12, 10A7) + ChCờ (11A4) + SHL (11A4)	18